

Số: 127/BC-STP

An Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2024

## BÁO CÁO

### Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1459/SGDĐT-KHTC ngày 08/5/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang. Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

#### I. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo

##### 1. Phạm vi điều chỉnh

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu “Nghị quyết này quy định về mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh An Giang năm học 2024 - 2025” hay “Nghị quyết quy định về mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh An Giang năm học 2024 - 2025”.

2. Đối tượng áp dụng: Trẻ em, học sinh, học viên đang học tại các cơ sở giáo dục công lập: mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

#### II. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Tại điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục ngày 14/6/2019 quy định:

##### **“Điều 99. Học phí, chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo**

6. Cơ chế thu và quản lý học phí, các khoản thu dịch vụ trong hoạt động giáo dục được quy định như sau:

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;”

Tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo quy định:

**“Điều 4. Quản lý nhà nước về giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo**

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về học phí, giá các dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí áp dụng trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo đối với các dịch vụ chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương; quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; quyết định giá đặt hàng dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo thuộc danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương.”

Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo quy định:

**“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (sau đây gọi tắt là Nghị định số 81/2021/NĐ-CP) như sau:**

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Học phí từ năm học 2023 - 2024:

a) Đối với cơ sở giáo dục chưa tự bảo đảm chi thường xuyên: Giữ ổn định mức thu học phí từ năm học 2023 - 2024 bằng mức thu học phí của năm học 2021 - 2022 do Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành áp dụng tại địa phương.

b) Đối với cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên, cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Cơ sở giáo dục xây dựng mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, trình Ủy ban nhân dân đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt”.

Tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 quy định:

**“Điều 27. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh**

*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:*

*1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên. ...”*

Căn cứ quy định trên, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang **là cần thiết và đúng thẩm quyền.**

### **III. Dự thảo Nghị quyết, Tờ trình**

#### **1. Dự thảo Nghị quyết**

a) Căn cứ ban hành văn bản: Tại “Xét Tờ trình số .../TTr-UBND” đề nghị điều chỉnh “năm học 2023 - 2024” thành năm học “2024 - 2025”.

b) Đề nghị tiếp tục nghiên cứu nội dung tại Điều 2 dự thảo. Theo đó: Đối với giải trình của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Bảng tổng hợp ý kiến đóng góp đối với góp ý của Sở Tư pháp vẫn chưa đảm bảo.

Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 97/2023/NĐ-CP quy định: *“b) Đối với cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên, cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Cơ sở giáo dục xây dựng mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, trình Ủy ban nhân dân để đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt”.*

Theo giải trình của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang hiện tại có duy nhất “Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh” là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên. Căn cứ quy định trên, trước khi xây dựng mức thu học phí áp dụng cho cơ sở giáo dục là tự bảo đảm chi thường xuyên thì cần xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí. Tuy nhiên, “Hiện nay, đơn vị này chưa thể xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí được” với lý do các căn cứ pháp lý làm cơ sở ban hành Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo đã hết hiệu lực (trong khi Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT vẫn còn hiệu lực thi hành). Cách giải thích trên là chưa phù hợp quy định khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, cụ thể: *“Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực...”*.

Ngoài ra, tại giải trình, Sở Giáo dục và Đào tạo chưa nêu được, như vậy thực tế hiện nay việc thu học phí đối với “Trung tâm Giáo dục thường xuyên” được thực hiện như thế nào.

Nhận thấy đây là nội dung cần xin ý kiến, do đó đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung này tại dự thảo Tờ trình theo Mục V Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ

sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## 2. Dự thảo Tờ trình

a) Nội dung trước Mục I (căn cứ số 01): Đề nghị bỏ cụm từ “thông qua”.

b) Mục III: Đề nghị trình bày chi tiết hơn các nội dung trong quá trình xây dựng dự thảo văn bản bên cạnh nội dung đã được góp ý và điều chỉnh. Các bước trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (từ việc Sở Giáo dục và Đào tạo đã gửi công văn góp ý, thẩm định trước khi có lập đề nghị xây dựng Nghị quyết chưa đúng trình tự, đến khi khắc phục và hoàn thiện các bước theo trình tự, thủ tục quy định), cụ thể hóa từng nội dung thành các văn bản minh chứng.

c) Tại cuối dự thảo Tờ trình: Do phần xin gửi kèm theo này là gửi kèm theo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, do đó đề nghị bỏ tài liệu số (1), đồng thời bổ sung tài liệu là “Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp” theo hướng dẫn Công văn số 1212/UBND-NC ngày 18/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hướng dẫn thực hiện quy trình xây dựng, ban hành Nghị quyết, Quyết định quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

### Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Văn Phòng UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Công TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKT&TDTHPL.

### GIÁM ĐỐC



Người ký: SỞ TƯ PHÁP  
Email: sotuphap@angiang.gov.vn  
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG  
Thời gian ký: 10.05.2024 16:49:06 +07:00

**Cao Thanh Sơn**